Số: 774/BG.PTHT Hậu Giang, ngày 18 tháng 12 năm 2014

BẢNG GIÁ QUẢNG CÁO NĂM 2015

ĐÀI PHÁT THANH – TRUYỀN HÌNH HẬU GIANG

ĐVT: 1.000 đồng

MÃ GIỜ	CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH		ĐƠN GIÁ				
			5"	10"	15"	20"	30"
PHẦN I							
I	QUẢNG CÁO TRUYỀN HÌNH						
GIỜ A	BUỔI SÁNG (5H00 - 11H00)						
A1	Chào ngày mới 6h00, 9h00	trước	730	970	1,210	1,940	2,420
A2		trong	830	1,100	1,380	2,200	2,760
A3		sau	730	970	1,210	1,940	2,420
A4	Ca nhạc, ca cổ, 7h25	trước	770	1050	1,320	2,100	2,640
A5		trong	880	1,150	1,430	2,300	2,860
A6	Phim sáng 8h00	trước	770	1,050	1,320	2,100	2,640
A7		trong	990	1,320	1,650	2,640	3,300
A8		sau	830	1,100	1,380	2,200	2,760
A9	Giải trí ngắn/gameshow 10h00	trước	770	1,050	1,320	2,100	2,640
A10		trong	880	1,150	1,430	2,300	2,860
A11		sau	770	1,050	1,320	2,100	2,640
A12	Trước, sau các chương trình khác		770	1,050	1,320	2,100	2,640
GIỜ B	BUỔI TRƯA (11H00 - 14H00)						
B1	Phim trưa 1 - 11h20	trước	1,650	2,200	2,750	4,400	5,500
B2		sau giới thiệu	1,980	2,640	3,300	5,280	6,600
B3		trong	2,310	3,080	3,850	6,160	7,700
B4		trước kết thúc	1,980	2,640	3,300	5,280	6,600
B5		sau	1,650	2,200	2,750	4,400	5,500
B6	Phim trưa 2-13h00	trước	1,650	2,200	2,750	4,400	5,500
B7		sau giới thiệu	1,980	2,640	3,300	5,280	6,600
B8		trong	2,310	3,080	3,850	6,160	7,700
B9		trước kết thúc	1,980	2,640	3,300	5,280	6,600
B10		sau	1,650	2,200	2,750	4,400	5,500

GIỜ C	BUỔI XẾ (14H00 - 16H50)						
C1	Phim xế 14h30 thứ 2,3,4,5,6,7	trước	1,320	1,760	2,200	3,520	4,400
C2		trong	1,650	2,200	2,750	4,400	5,500
C3		sau	1,320	1,760	2,200	3,520	4,400
C4	Cải lương 14h30 chủ nhật	trước	990	1,320	1,650	2,640	3,300
C5		trong	1,320	1,760	2,200	3,520	4,400
C6		sau	990	1,320	1,650	2,640	3,300
C7	Trước, sau các chương trình khác		990	1,320	1,650	2,640	3,300
GIỜ D	**BUỔI CHIỀU (16H50-19H00)**						
D1	Phim chiều 17h00	trước	1,650	2,200	2,750	4,400	5,500
D2		sau giới thiệu	1,980	2,640	3,300	5,280	6,600
D3		trong	2,310	3,080	3,850	6,160	7,700
D4		trước kết thúc	1,980	2,640	3,300	5,280	6,600
D5		sau	1,980	2,640	3,300	5,280	6,600
D6	Trước, sau các chương trình khác		1,980	2,640	3,300	5,280	6,600
D7	Giữa các chương trình giải trí khác		2,100	2,800	3,450	5,400	6,900
GIỜ E	**BUỔI TỐI (19H00-24H00)**						
E1	Sau Thời sự Hậu Giang, dự báo thời tiết	sau	3,630	4,840	6,050	9,680	12,100
E1.1	Chương trình Cảnh báo an toàn sống - thứ 7	trước	3,630	4,840	6,050	9,680	12,100
E1.2		trong	3,990	5,320	6,650	10,640	13,310
E1.3		sau	3,630	4,840	6,050	9,680	12,100
E2	Phim tối 20h30	trước	3,630	4,840	6,050	9,680	12,100
E3		sau giới thiệu	4,290	5,720	7,150	11,440	14,300
E4		trong	4,950	6,600	8,250	13,200	16,500
E5		trước kết thúc	3,960	5,280	6,600	10,560	13,200
E6		sau	3,300	4,400	5,500	8,800	11,000
E7	Các chương trình THTT, giải trí khác 20h30	trước, sau	3,630	4,840	6,050	9,680	12,100
E8		trong	4,950	6,600	8,250	13,200	16,500

E9	Các chương trình khác sau 22h	trước, sau	1,650	2,200	2,750	4,400	5,500
E10		trong	1,980	2,640	3,300	5,280	6,600
GIỜ F	**BUỔI KHUYA - SÁNG (00H00- 4H35)**						
F1	Các chương trình giải trí, phim	trước	660	1,100	1,650	2,200	3,300
F2		trong	880	1,320	1,980	2,640	3,960
F3		sau	660	1,100	1,650	2,200	3,300

II	**POP UP, QUẢNG CÁO HÌNH GẠT, KEY LOGO, CHỮ TRÊN TRUYỀN HÌNH:**	
GIỜ G1	**POP UP**	**5 giây/lần**
G1.1	Giữa phim sáng	500
G1.2	Giữa phim trưa, xế, chiều	1,160
G1.3	Giữa phim tối	2,480
G1.4	Giữa các chương trình giải trí khác	825
Nếu khách hàng đăng ký phát pop up vào các giờ khác sẽ tính theo đơn giá 50% giá ở mức thời lượng và khung giờ tương ứng.		
	QUẢNG CÁO HÌNH GẠT TRÊN TRUYỀN HÌNH	
GiỜ G2	**Panel đầy màn hình, có logo sản phẩm, có chữ phát trước hoặc sau chương trình:**	**5 giây/lần**
G2.1	Khung buổi sáng 5h00-11h00	495
G2.2	Khung buổi trưa 11h00-14h00	1,320
G2.3	Khung buổi xế 14h00-17h00	1,155
G2.4	Khung buổi chiều 17h00-19h00	1,650
G2.4	Khung buổi tối 19h00-24h00	2,750
GIỜ G3	**KEY LOGO, CHỮ:**	**5 giây/lần**
G3.1	Khung buổi sáng 5h00-11h00	330
G3.2	Khung buổi trưa 11h00-14h00	660
G3.3	Khung buổi xế 14h00-17h00	550
G3.4	Khung buổi chiều 17h00-19h00	880
G3.5	Khung buổi tối 19h00-24h00	1,430
- Pop up và Key logo, chạy chữ dưới chân màn hình: Chiếm 1/10 chiều cao màn hình.		

III	**TỰ GIỚI THIỆU TRUYỀN HÌNH (Thời lượng tối thiểu 2 phút)**	
GIỜ H	**CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH**	**Đơn giá/phút/lần** **Từ 60 giây trở lên**
H1	Trước, sau các chương trình phim sáng 05h00-11h00	2,200
H2	Trước sau các chương trình phim trưa, xế 11h00-17h00	4,400
H3	Trước, sau các chương trình phim chiều 17h00-19h00	4,950
H4	Trước phim tối 20h30	5,500
H5	Sau chương trình phim tối, chương trình giải trí khuya 22h00-04h25	3,300

IV	THÔNG BÁO TRUYỀN HÌNH	
GIỜ I	**CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH**	**Đơn giá/từ/lần**
	Thông báo , TB quảng cáo, chiêu sinh, rao vặt (không hình ảnh):	
I1	Từ 6h00 - 19h00	6,6
I2	Từ 19h00 - 22h00	8,8
	Thông báo, TB quảng cáo, chiêu sinh, rao vặt (có hình ảnh):	
I3	Từ 6h00 - 19h00	8,8
I4	Từ 19h00 - 22h00	11
I5	Thông báo mất giấy tờ, tìm người thân/lần	550
	TƯ VẤN TIÊU DÙNG (HOMESHOPPING) - Thời lượng tối đa 5 phút	
GIỜ K	**CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH**	**Đơn giá/phút/lần**
K1	Trước sau các chương trình giải trí, phim 05h00-17h00	135

*** Quy định khác:**

- Đơn giá trên đã bao gồm VAT 10%
- Mã giờ G: áp dụng mức chuẩn 5", mẫu 10"=5"+5"
- Các TVC quảng cáo tính theo mức chuẩn 5", 10", 15", 20", 30", 45"(30"+15"), 60" (30"+30").
- Chọn cut hoặc vị trí ưu tiên 1,2,3 đầu, cuối cut quảng cáo: cộng thêm 10% đơn giá tương ứng.
- Biểu giá này được áp dụng từ ngày 1/1/2015, thay thế cho các bảng giá đã ban hành trước đây năm 2014. Trong năm bảng giá có thay đổi hoặc bổ sung sẽ được thông báo bằng văn bản.

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

TRẦN ANH DŨNG